TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2020/DS-PT
Ngày 25-11-2020
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- THnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự số 31/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa THnh, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Phong L, sinh năm 1945; cư trú tại: Xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Phong V, sinh năm 1979; cư trú tại: Xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Chị Đoàn Thị Thanh T, sinh năm 1969; cư trú tại: Xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

2. Anh Đoàn Phong S, sinh năm 1971; cư trú tại: Xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

3. Chị Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1973; cư trú tại: Xã Trường Tây, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

4. Anh Đoàn Phong V1, sinh năm 1976; cư trú tại: Xã L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt);

5. Chị Kiên Thị Kim K, sinh năm 1980; cư trú tại: Xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Đoàn Phong L trình bày như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị L1 là vợ chồng, bà L1 chết năm 2017 không để lại di chúc.

Ông và bà L1 có 05 người con chung gồm: Chị Đoàn Thị Thanh T, anh Đoàn Phong S, anh Đoàn Phong V1, chị Đoàn Thị Thanh H và anh Đoàn Phong V. Ngoài ra, ông bà không có con riêng hay con nuôi.

Trong quá trình chung sống, ông bà tạo lập được khối tài sản là 01 phần đất diện tích 375,8 m^2, thuộc thửa 1978, tờ bản đồ số 1B (nay là thửa 467, tờ bản đồ số 21), do Ủy bản nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Đoàn Phong L ngày 12/8/2002, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 của vợ chồng ông, hiện tại ông là người trực tiếp quản lý sử dụng.

Sau khi bà L1 chết, ông có làm thêm mái che khung sắt phía trước nhà có diện tích ngang 6,7 mét x dài 4,6 mét = 30,82 m^2 nên đây là tài sản riêng của ông không liên quan đến di sản thừa kế. Đối với phần đất trống thì anh V có đổ đất đắp nền nhưng thời gian nào ông không nhớ chính xác và số tiền bao nhiêu ông cũng không biết. Năm 2017, anh V có làm mái che khung sắt trên phần đất trống để anh V sử dụng để xe ô tô tải của anh V.

Sau khi mãn tang bà L1, ông và các con có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bà L1 để lại nhưng anh V không đồng ý. Do không tự giải quyết được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế do bà L1 để lại, phần di sản của bà L1 là ½ khối tài sản chung của ông bà như đã nêu trên. Ông yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật cho ông và 05 người con chung của ông và bà L1.

Do phần di sản của bà L1 nằm trong khối tài sản chung của vợ chồng, hiện tại ông L là người quản lý toàn bộ di sản, ông L yêu cầu được nhận toàn bộ di sản bằng hiện vật, ông sẽ thanh toán lại giá trị phần di sản cho các thừa kế khác.

Đối với phần đất anh V đổ nền và yêu cầu thanh toán lại cho vợ chồng anh V số tiền 30.000.000 đồng, ông đồng ý. Đối với phần mái che khung sắt trên phần đất trống là của vợ chồng anh V, anh V tự làm để sử dụng, phần này có thể tháo dở di dời được, anh V tự nguyện tháo dở di dời, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, ông đồng ý.

Ngoài ra, trên đất còn có một hàng rào kẽm gai xung quanh đất, hiện đã hư hỏng, giá trị sử dụng còn thấp nên ông không yêu cầu giải quyết.

Đối với chi phí tố tụng ông đã nộp 3.000.000 đồng và tự nguyện chịu. Ông không yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Đoàn Phong V trình bày:

Anh là con ruột của ông L và bà L1. Anh thống nhất lời trình bày của ông L về mối quan hệ huyết thống và di sản thừa kế do bà L1 để lại. Anh là con trai út nên từ nhỏ sống với ba mẹ, trong quá trình sống chung anh V và vợ là chị Kiên Thị Kim K có đóng góp vào khối tài sản của ba mẹ gồm:

- Đổ đất lót bê tông, thời gian nào không nhớ chi phí tự tính là 40.000.000 đồng.

- Làm mái che khung sắt bên phần đất trống vào năm 2019 chi phí 70.000.000 đồng.

Năm 2017, bà L1 chết không để lại di chúc, gia đình anh có tự thỏa thuận chia di sản cho bà L1 để lại nhưng không thống nhất được.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L1 theo quy định của pháp luật thì anh đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L, anh yêu cầu được nhận phần di sản anh được hưởng từ bà L1 bằng giá trị. Ngoài ra, anh yêu cầu thanh toán lại cho anh và chị K chi phí đổ đất nền là 30.000.000 đồng. Đối với mái che khung sắt trên phần đất trống, anh tự nguyện tháo dở di dời, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đoàn Thị Thanh T trình bày:

Chị là con ruột của ông L và bà L1. Chị thống nhất lời trình bày của ông L về mối quan hệ huyết thống và di sản thừa kế do bà L1 để lại.

Bà L1 chết không để lại di chúc. Sau khi mãn tang của bà L1 thì gia đình chị có ngồi lại để phân chia di sản thừa kế do bà L1 để lại nhưng không thống nhất

được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh V về yêu cầu chia di sản thừa kế do bà L1 để lại theo quy định của pháp luật thì chị thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Đối với phần di sản mà chị được hưởng từ bà L1 theo quy định của pháp luật thì chị đồng ý chuyển sang cho ông L được trọn quyền quyết định. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đoàn Thị Thanh H trình bày:

Chị là con ruột của ông L và bà L1. Chị thống nhất lời trình bày của ông L về mối quan hệ huyết thống và di sản thừa kế do bà L1 để lại.

Bà L1 chết không để lại di chúc. Sau khi mãn tang của bà L1 thì gia đình chị có ngồi lại để phân chia di sản thừa kế do bà L1 để lại nhưng không thống nhất được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh V về yêu cầu chia di sản thừa kế do bà L1 để lại theo quy định của pháp luật thì chị thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Đối với phần di sản mà chị được hưởng từ bà L1 theo quy định của pháp luật thì chị đồng ý chuyển sang cho ông L được trọn quyền quyết định. Ngoài ra, chị không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Đoàn Phong V1 trình bày:

Anh là con ruột của ông L và bà L1. Anh thống nhất lời trình bày của ông L về mối quan hệ huyết thống và di sản thừa kế do bà L1 để lại.

Bà L1 chết không để lại di chúc. Sau khi mãn tang của bà L1 thì gia đình anh có ngồi lại để phân chia di sản thừa kế do bà L1 để lại nhưng không thống nhất được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông L đối với anh V về yêu cầu chia di sản thừa kế do bà L1 để lại theo quy định của pháp luật thì anh thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L. Đối với phần di sản mà anh được hưởng từ bà L1 theo quy định của pháp luật thì anh đồng ý chuyển sang cho ông L được trọn quyền quyết định. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phong S, chị Kiên Thị Kim K đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa án để làm việc, hòa giải, dự phiên họp và tham gia phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Phong L đối với anh Đoàn Phong V về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

1.1. Ông Đoàn Phong L được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 467 (thửa cũ 1978), tờ bản đồ số 21 (cũ 1B), có diện tích 384,7 m^2, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04584 QSDĐ/2267/XN - UB của ông (bà) Đoàn Phong L, được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp ngày 12/8/2002, có tứ cận gồm: *(có sơ đồ đất kèm theo*):

- Phía Đông giáp đường 10 mét dài 13,5 m;

- Phía Tây giáp hẻm 04 mét dài 13,5 m;

- Phía Nam giáp thửa 446 dài 28,5 m;

- Phía Bắc giáp đường 10 mét dài 28,5 m.

1.2. Ông Đoàn Phong L được sở hữu tài sản trên đất gồm:

- Căn nhà cấp 4 có diện tích ngang 5,5 mét x dài 23,8 mét = 130,9 m^2, kết cấu móng xi măng, đá kiềng, nền gạch men, cửa đi, cửa sổ sắt có gắng kiếng, cột gạch, kèo đòn tay gỗ xây dựng, trần tol lạnh, mái tol.

- Mái che khung sắt diện tích ngang 6,7 mét x dài 4,6 mét và Hng rào kẽm gai xung quanh đất.

1.3. Ông Đoàn Phong L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đoàn Phong V và anh Đoàn Phong S mỗi người số tiền 150.855.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng). Ông Đoàn Phong L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đoàn Phong V và chị Kiên Thị Kim K số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

2. Ghi nhận anh Đoàn Phong V tự nguyện tháo dở di dời mái che khung sắt tiền chế, mái tol có diện tích 23 mét x dài 6,4 mét = 147,2 m^2.

Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ chậm thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có Quyết định kháng nghị số 17/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 07-9-2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định của bản án, cụ thể bản án sơ thẩm không tuyên quyết định phần thừa kế các con bà L1 được hưởng, không ghi nhận phần thừa kế chị T, chị H, anh V1 tự nguyện chuyển cho ông L được hưởng và ông L đồng ý nhận và không tuyên buộc ông L nộp thay án phí cho chị T, chị H, anh V1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung kháng nghị: Phần quyết định của bản án sơ thẩm không quyết định phần thừa kế các con bà L1 được hưởng, không ghi nhận phần thừa kế chị T, chị H, anh V1 tự nguyện chuyển cho ông L và ông L đồng ý nhận là vi phạm quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại mục số 28, mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đoàn Phong L đồng ý chịu tiền án phí phần di sản mà chị T, chị H và anh V1 được chia nhưng tự nguyện giao lại cho ông L được quyền sở hữu. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định của bản án và án phí cho đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng nghị, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy*:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn – anh Đoàn Phong V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Đoàn Thị Thanh T, anh Đoàn Phong S, chị Đoàn Thị Thanh H, anh Đoàn Phong V1 vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng chị Kiên Thị Kim K vắng mặt không lý do nhưng xét thấy sau khi cấp sơ thẩm xét xử chị K đã nhận được bản án nhưng không có đơn kháng cáo, đồng thời chị K vắng mặt không liên quan đến việc giải quyết kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 294, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Xét quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh thấy rằng:

[2] Ông Đoàn Phong L và bà Nguyễn Thị L1 là vợ chồng. Ông L và bà L1 có 05 người con chung, ngoài ra không có có riêng hay con nuôi. Trong quá trình chung sống, ông L và bà L1 có tạo lập được tài sản chung là phần đất diện tích đo

đạc thực tế 384,7 m^2, thuộc thửa đất số 467 (thửa cũ là 1978), tờ bản đồ số 21 (tờ bản đồ cũ 1B), tọa lạc tại ấp L, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, đất do ông L đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04584 QSDĐ/2267/XN-UB do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp ngày 12-8-2002 và 01 căn nhà trên đất. Năm 2017, bà L1 chết không để lại di chúc, nay ông L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà L1 để lại là ½ khối tài sản chung của ông L và bà L1, yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và các con của ông L và bà L1 là chị Đoàn Thị Thanh T, chị Đoàn Thị Thanh H, anh Đoàn Phong V1, anh Đoàn Phong V đều thống nhất về khối di sản và đồng ý với yêu cầu của ông L về việc chia di sản thừa kế mà bà L1 chết để lại. Riêng, anh Đoàn Phong S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không cung cấp lời khai.

[4] Về tài sản thừa kế của bà L1 chết để lại, qua định giá có trị giá 905.131.575 đồng. Do đó, mỗi kỷ phần thừa kế có trị giá là 905.131.575 đồng : 6 = 150.855.262 đồng. Do chị T, chị H, anh V1 tự nguyện giao phần di sản thừa kế mà họ được hưởng sang cho ông L và ông L đồng ý nhận, do đó cấp sơ thẩm ghi nhận là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ ghi nhận tại "Phần nhận định của Tòa án" nhưng tại phần Quyết định không thể hiện là vi phạm theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại hướng dẫn mục số 28, mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13-01-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí đối với phần tài sản mà ông L được hưởng theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Riêng đối với phần án phí trên kỷ phần mà lẽ ra chị T, chị H, anh V1 mỗi người được hưởng là 150.855.262 đồng nhưng đã tự nguyện giao lại cho ông L và ông L đồng ý nhận thì ông L phải có nghĩa vụ chịu án phí trên phần tài sản này thay cho chị T, chị H, anh V1 nhưng cấp sơ thẩm không tuyên là sai sót. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L đồng ý chịu tiền án phí thay cho chị H, chị T và anh V1. Cụ thể tiền án phí sơ thẩm ông L phải chịu là (150.855.262 đồng x 5%) x 3 = 22.629.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 17/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 17/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa THnh, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng các Điều 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Phong L đối với anh Đoàn Phong V về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

1.1. Ông Đoàn Phong L được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 467 (thửa cũ 1978), tờ bản đồ số 21 (cũ 1B), có diện tích 384,7 m^2, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04584 QSDĐ/2267/XN - UB của ông (bà) Đoàn Phong L, được Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành) cấp ngày 12/8/2002, có tứ cận gồm: *(có sơ đồ đất kèm theo*):

- Phía Đông giáp đường 10 mét dài 13,5 m;

- Phía Tây giáp hẻm 04 mét dài 13,5 m;

- Phía Nam giáp thửa 446 dài 28,5 m;

- Phía Bắc giáp đường 10 mét dài 28,5 m.

1.2. Ông Đoàn Phong L được sở hữu tài sản trên đất gồm:

- Căn nhà cấp 4 có diện tích ngang 5,5 mét x dài 23,8 mét = 130,9 m^2, kết cấu móng xi măng, đá kiềng, nền gạch men, cửa đi, cửa sổ sắt có gắng kiếng, cột gạch, kèo đòn tay gỗ xây dựng, trần tol lạnh, mái tol.

- Mái che khung sắt diện tích ngang 6,7 mét x dài 4,6 mét và Hng rào kẽm gai xung quanh đất.

1.3. Ông Đoàn Phong L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đoàn Phong V và anh Đoàn Phong S mỗi người số tiền 150.855.000 đồng (một trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Ông Đoàn Phong L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đoàn Phong V và chị Kiên Thị Kim K số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

1.4 Ghi nhận chị Đoàn Thị Thanh T, chị Đoàn Thị Thanh H và anh Đoàn Phong V1 tự nguyện nhường phần thừa kế theo pháp luật mà họ được chia mỗi

phần trị giá 150.855.262 đồng, tổng trị giá 03 phần là 452.565.000 đồng (bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) cho ông Đoàn Phong L được hưởng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2**.** Ghi nhận anh Đoàn Phong V tự nguyện tháo dở di dời mái che khung sắt tiền chế, mái tol có diện tích 23 mét x dài 6,4 mét = 147,2 m^2.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá là 3.000.000 đồng. Ông L đã nộp và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

4. Án phí:

- Án phí sơ thẩm dân sự: Ông Đoàn Phong L phải chịu án phí 22.629.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Anh Đoàn Phong V và anh Đoàn Phong S mỗi người phải chịu 7.543.000 đồng (bảy triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm dân sự: Các đương sự không phải chịu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Tx Hòa Thành;
- CCTHA Tx Hòa Thành;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến